TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1334/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

– ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa:* Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 413/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 333/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Từ Sương H**, sinh năm: 1974
Địa chỉ: Số A6/12A2 Quốc lộ 50, ấp X, xã Y, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có mặt)

Bị đơn: Ông **Võ Hòa T**, sinh năm: 1972
Địa chỉ: Số D1/19 ấp M, xã N, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2018 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Từ Sương H trình bày:

Bà H và ông Võ Hòa T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, Thành phố Hồ

Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 01/2007 cấp ngày 02/10/2007. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp. Ông T thường hay nhậu nhẹt và có lời lẽ xúc phạm, đe dọa bà H; làm cho cuộc sống luôn trong tâm trạng bất an; dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay bà H nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên là Võ Ngọc Bảo C, sinh ngày 11/7/2009 (Giới tính: Nữ). Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi trẻ C; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác nhận không có.

Bị đơn ông Võ Hòa T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ông T xác nhận về quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H là đúng như lời bà H trình bày. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống ông T nhận thấy vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng. Nhưng cách đây 04 tháng, bà H không cho ông T vào nhà nên ông đã về ở với mẹ ruột từ đó cho đến nay. Ông T vẫn còn tình cảm với bà H, cuộc sống vợ chồng có thể hàn gắn được nên ông T không đồng ý ly hôn; đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng có thể đoàn tụ về chăm lo, xây dựng lại hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Võ Ngọc Bảo C, sinh ngày 11/7/2009 (Giới tính: Nữ).

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác nhận không có.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án và về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Từ Sương H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Hòa T; bị đơn hiện cư trú tại xã N, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Võ Hòa T vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Bà H và ông T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 01/2007 cấp ngày 02/10/2007; do đó có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H xác định giữa bà và ông T mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vì vậy bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T. Căn cứ vào kết quả trả lời xác minh về tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà H và ông T hiện không còn chung sống với nhau, quá trình chung sống hai bên có phát sinh mâu thuẫn. Ông T thường hay nhậu nhẹt và hay ghen. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà H và ông T đã từ lâu hai bên ít còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, những lần hòa giải tiếp theo cũng như tại phiên tòa xét xử ông T vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ ông T không còn thiện chí đoàn tụ, tình cảm vợ chồng đã không còn. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Từ Sương H đối với ông Võ Hoa T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về con chung, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Võ Ngọc Bảo C, sinh ngày 11/7/2009 (Giới tính: Nữ); không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay trẻ C đang sinh sống cùng với bà H, việc chăm sóc, nuôi dưỡng do bà H trực tiếp trông nom, nuôi dạy trẻ nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà H là có cơ sở, giao trẻ C cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con mặc dù bà H không yêu cầu nhưng đây là quyền lợi của trẻ, vì vậy Hội đồng xét xử xét tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ C đối với ông T cho đến khi có đơn yêu cầu.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 8; Điều 9; Điều 51, 56, 57, 58, 69, 71, 81, 82, 83, 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Từ Sương H đối với ông Võ Hòa T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Từ Sương H được ly hôn với ông Võ Hòa T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 01/2007 đăng ký ngày 02 tháng 10 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Từ Sương H và ông Võ Hòa T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Võ Ngọc Bảo C, sinh ngày 11/7/2009 (Giới tính: Nữ) cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T khi có đơn yêu cầu.

Ông Võ Hòa T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Từ Sương H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0015465 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ba H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

II. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khương